TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 141/2018/DS-ST
Ngày: 25 – 9 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hiếu Đạo

Bà Nguyễn Bạch Minh

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Lil – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lượng là Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1958.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Tạ Quốc T, sinh năm: 1979.

Cùng trú tại: ấp H, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Công Văn N1, sinh năm: 1987.

Trú tại: ấp H, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1986.

Trú tại: ấp H, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền anh Tạ Quốc T trình bày:

Vào ngày 30/5/2015, bà Nguyễn Thị N có cho anh Công Văn N1 (tên gọi khác là Công Văn Đ) vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) với thời hạn là 03 tháng kể từ ngày vay và hai bên tự thỏa thuận lãi suất, khi vay có làm biên nhận. Đến ngày 30/11/2016 thì bà Nguyễn Thị N tiếp tục cho Công Văn N1 vay số tiền 105.000.000 đồng cũng với thời hạn là 03 tháng kể từ ngày vay và hai bên tự thỏa thuận lãi suất, tổng số nợ cũ và nợ mới là 205.000.000 đồng (hai trăm lẽ năm triệu đồng). Khi vay có làm biên nhận nhưng chỉ có Công Văn N1 ký tên vào biên nhận còn vợ của Công Văn N1 thì không ký tên vào biên nhận. Đối với số tiền này thì anh Công Văn N1 đã trả vốn cho bà Nguyễn Thị N 02 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng. Trong đó, lần 01 trả 30.000.000 đồng, lần 02 là 40.000.000 đồng vào ngày 10/3/2017 và trả lãi 03 tháng với số tiền 10.150.000 đồng. Từ đó đến nay anh Công Văn N1 không có trả tiền vốn cũng như tiền lãi cho bà N.

Hiện tại anh Công Văn N1 còn thiếu bà Nguyễn Thị N số tiền 135.000.000 đồng và yêu cầu Công Văn N1 trả mỗi tháng 50.000.000 đồng và tiền lãi nếu Công Văn N1 không đồng ý thì yêu cầu Tòa án buộc Công Văn N1 trả một lần và tính lãi từ ngày 10/3/2017 với lãi suất 20%/năm đến ngày xét xử và đồng ý trừ lại 10.150.000 đồng cho anh Công Văn N1 tiền lãi đã đóng.

Bị đơn Công Văn N1 trình bày: Thừa nhận có vay nợ của bà Nguyễn Thị N như lời trình bày của anh Tạ Quốc T. Tổng số tiền anh Công Văn N1 còn nợ bà Nguyễn Thị N là 135.000.000 đồng. Từ ngày 30/11/2016 thì anh Công Văn N1 vẫn còn đóng lãi, từ ngày 10/3/2017 đến nay không có trả vốn cũng như tiền lãi. Nay bà Nguyễn Thị N yêu cầu anh Công Văn N1 trả mỗi tháng 50.000.000 đồng thì anh Công Văn N1 không đồng ý là do anh Công Văn N1 làm không đủ tiền để trả theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị N. Về lãi suất anh Công Văn N1 đồng ý 20%/năm từ ngày 10/3/2017 và yêu cầu trừ lại số tiền 10.150.000 đồng đã đóng cho bà Nguyễn Thị N.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn

Thị Ngọc B để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị Ngọc B đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của Nguyễn Thị Ngọc B cũng như Nguyễn Thị Ngọc B không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả cho nguyên đơn số tiền 135.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Ngoài ra, còn buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", căn cứ các Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công Văn N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và nguyên đơn đều thừa nhận bị đơn Công Văn N1 có vay tiền của nguyên đơn số tiền 135.000.000 đồng và bị đơn đã trả lãi được 10.150.000 đồng. Xét thấy, việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 135.000.000 đồng và bị đơn đã trả lãi được 10.150.000 đồng, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự tình tiết đó

không phải chứng minh, anh Công Văn N1 đã vay tiền của bà Nguyễn Thị N thì phải có nghĩa vụ trả số tiền đã vay.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thỏa thuận lãi suất 20%/năm là không trái quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thời điểm bắt đầu tính lãi ngày 10/3/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và khấu trừ lại 10.150.000 đồng mà bị đơn đã đóng. Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày 10/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2018 là 18 tháng 15 ngày cụ thể: 135.000.000 đồng x 18 tháng 15 ngày x 20%/năm = 41.625.000 đồng, khấu trừ lại số tiền lãi 10.150.000 đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Như vậy, số tiền lãi bị đơn phải tiếp tục trả cho nguyên đơn là 41.625.000 đồng - 10.150.000 đồng = 31.475.000 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi: 135.000.000 đồng + 31.475.000 đồng = 166.475.000 đồng.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Nguyễn Thị Ngọc B không trực tiếp thực hiện việc vay tiền nhưng chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Công Văn N1 là vợ chồng, trong biên nhận nợ cũng thể hiện tên của chị Nguyễn Thị Ngọc B. Do đó, Căn cứ vào Điều 27, Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên chị Nguyễn Thị Ngọc B có trách nhiệm liên đới cùng với anh Công Văn N1 trả số tiền 166.475.000 đồng cho bà Nguyễn Thị N.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn anh Công Văn N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị N có người đại diện theo ủy quyền anh Tạ Quốc T tổng số tiền 166.475.000 đồng (trong đó, tiền vốn 135.000.000 đồng, tiền lãi là 31.475.000 đồng).

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn anh Công Văn N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu là 5% án phí giá ngạch trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 166.475.000 đồng x 5% = 8.323.750 đồng. Nguyên đơn Nguyễn Thị N có người đại diện theo ủy quyền anh Tạ Quốc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.375.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0015606 phiếu lập ngày 07/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N có người đại diện theo ủy quyền anh Tạ Quốc T đối với bị đơn anh Công Văn N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc B.

Buộc bị đơn anh Công Văn N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị N có người đại diện theo ủy quyền anh Tạ Quốc T tổng số tiền 166.475.000 đồng *(Một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng),* (trong đó, tiền vốn 135.000.000 đồng *(một trăm ba mươi lăm triệu đồng)*, tiền lãi là 31.475.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Công Văn N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 8.323.750 đồng. Nguyên đơn Nguyễn Thị N có người đại diện theo ủy quyền anh Tạ Quốc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.375.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0015606 phiếu lập ngày 07/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi bị đơn cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lư Trường Tây